TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ – ST
Ngày 26 – 01 – 2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên

2. Bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 773/2020/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 456/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Hổ P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 118/10/1, hẻm T, tổ 4, khóm 4, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2020, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn là ông Võ Hổ P trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà T tự tìm hiểu quen biết nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp được tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xung đột xảy ra hằng ngày không có biện pháp khắc phục. Kể từ thời gian năm 2014, bà T chủ động bỏ nhà đi và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay khoảng 06 năm. Ông P nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Ông P và bà T Có 01 con chung tên Võ Trọng N, sinh ngày 13/01/2006, hiện đang sống chung với ông P. Ông P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng một con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Đỗ Thị T không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Ông Võ Hổ P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do điều kiện đi lại khó khăn. Bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Không công nhận ông Võ Hổ P và bà Đỗ Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Võ Trọng N, sinh ngày 13/01/2006 cho ông P được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa ông Võ Hổ P với bà Đỗ Thị T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Ông Võ Hổ P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do phải đi làm ăn xa đi lại khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của bà Đỗ Thị T và được Công an xã M, thành phố X cung cấp thông tin: "Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1988 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang". Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà T tự tìm hiểu quen biết nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 2005 đến nay, chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp được tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xung đột xảy ra hằng ngày không có biện pháp khắc phục. Vợ chồng đã ly thân khoảng 06 năm nay, ông P nhận thấy hôn nhân giữa ông với bà T không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T. Xét thấy, ông P và bà T sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố ông P và bà T không phải là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông P và bà T Có 01 con chung tên Võ Trọng N, sinh ngày 13/01/2006. Lời khai của ông P phù hợp với bản sao trích lục khai sinh số 23/KSML ngày 06/02/2006 do Ủy ban nhân phường M cấp. Xét thấy, thời gian qua cháu N đang sống với ông P, ông P yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu N ngày 01/12/2020, cháu N có nguyện vọng được sống với ba, do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông P và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn bà T cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] ***<u>Về án phí</u>*:** Ông Võ Hổ P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179; Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9; Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Võ Hổ P và bà Đỗ Thị T không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Võ Trọng N, sinh ngày 13/01/2006 cho ông Võ Hổ P nuôi dưỡng. Bà Đỗ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

<u>Về án phí:</u> Ông Võ Hổ P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông P đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007817 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu: hồ sơ, VP./.

Nguyễn Thị Đức Anh

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Các đương sự ;*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *VKSND TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *Chi cục THADS TPLX;*
- *Lưu: hồ sơ, VP./.*

Trần Phạm Xuân Khanh

Trần Phạm Xuân Khanh